

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **9744**/TCHQ-TXNK

Hà Nội, ngày **12** tháng 10 năm 2016

V/v hướng dẫn kê khai mã số hàng
hóa và thuế suất để thực hiện Biểu
thuế XK theo quy định tại Nghị
định số 122/2016/NĐ-CP.

Kính gửi: Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

Tổng cục Hải quan nhận được công văn số 2585/HQQN-TXNK ngày 28/9/2016 của Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh và công văn số 2632/HQHCM-TXNK ngày 28/9/2016 của Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh phản ánh các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện việc khai báo mã số hàng hóa và áp dụng thuế suất đối với hàng xuất khẩu để thực hiện Biểu thuế xuất khẩu quy định tại Nghị định số 122/2016/NĐ-CP. Để kịp thời tháo gỡ vướng mắc, tránh ách tắc hàng hóa ở cửa khẩu, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp xuất khẩu, Tổng cục Hải quan hướng dẫn việc kê khai hải quan như sau:

1. Hàng hóa xuất khẩu được quy định tên cụ thể bao gồm mô tả và mã hàng chi tiết ở cấp độ 8 chữ số hoặc 10 chữ số tại Biểu thuế xuất khẩu (Phụ lục I) ban hành kèm theo Nghị định số 122/2016/NĐ-CP, đáp ứng các điều kiện quy định tại Nghị định này thì người nộp thuế kê khai mã hàng và mức thuế suất thuế xuất khẩu quy định cho từng mã hàng tại Biểu thuế xuất khẩu.

2. Trường hợp hàng hóa xuất khẩu không được quy định tên cụ thể trong Biểu thuế xuất khẩu, không thuộc trường hợp quy định tại điểm 3, 4 dưới đây thì người nộp thuế kê khai trên Tờ khai xuất khẩu như sau:

- Tại chỉ tiêu “Mã số hàng hóa”: khai mã hàng của hàng hóa xuất khẩu tương ứng với mã hàng 08 chữ số của mặt hàng đó trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi quy định tại Mục I Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 122/2016/NĐ-CP;

- Tại chỉ tiêu “Thuế suất”: bỏ trống, không khai.

3. Hàng hóa xuất khẩu không được quy định tên cụ thể trong Biểu thuế xuất khẩu, có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên thì người nộp thuế kê khai trên Tờ khai xuất khẩu như sau:

- Tại chỉ tiêu “Mã số hàng hóa”: khai mã hàng của mặt hàng xuất khẩu tương ứng với mã hàng 08 chữ số của mặt hàng đó trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi quy định tại Mục I Phụ lục II Nghị định số 122/2016/NĐ-CP;

- Tại chỉ tiêu “Mã quản lý riêng”: khai mã “TNKS”;
- Tại chỉ tiêu “Thuế suất”: khai 5%.

Trường hợp hàng hóa xuất khẩu không được quy định tên cụ thể trong Biểu thuế xuất khẩu, có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm dưới 51% giá thành sản phẩm thì người nộp thuế kê khai trên Tờ khai xuất khẩu như sau:

- Tại chỉ tiêu “Mã số hàng hóa”: khai mã hàng của hàng hóa xuất khẩu tương ứng với mã hàng 08 chữ số của mặt hàng đó trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi quy định tại Mục I Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 122/2016/NĐ-CP;

- Tại chỉ tiêu “Mã quản lý riêng”: khai mã “TNKSD51”;
- Tại chỉ tiêu “Thuế suất”: bỏ trống, không khai.

Người nộp thuế tự kê khai, tự chịu trách nhiệm về việc xác định hàng hóa xuất khẩu có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng dưới 51% giá thành sản phẩm trước khi làm thủ tục hải quan xuất khẩu.

Việc xác định hàng hóa xuất khẩu là vật tư, nguyên liệu, bán thành phẩm có giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm dưới 51% giá thành sản phẩm căn cứ vào quy định về xác định sản phẩm có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên quy định tại Nghị định số 100/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế và Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định này.

Ví dụ: Doanh nghiệp làm thủ tục xuất khẩu mặt hàng clanhke xi măng là mặt hàng không được chi tiết tên cụ thể tại Biểu thuế xuất khẩu, được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản (gồm đá vôi, đất sét và các nguyên liệu khác như oxit silic, oxit nhôm hoặc các chất có chứa sắt...). Mặt hàng này thuộc mã số 2523.10.90 theo Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.

Trường hợp tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng để sản xuất mặt hàng clanhke xi măng của doanh nghiệp đó chiếm dưới 51% giá thành sản xuất sản phẩm (căn cứ xác định theo hướng dẫn tại Nghị định số 100/NĐ-CP và Thông tư số 130/2016/TT-BTC nêu trên) thì doanh nghiệp khai báo mã hàng 2523.10.90 vào chỉ tiêu “Mã số hàng hóa”, khai “TNKSD51” vào chỉ tiêu “Mã quản lý riêng” và tại chỉ tiêu “Thuế suất”: bỏ trống, không khai.

Trường hợp tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất sản phẩm trở lên thì doanh nghiệp khai

báo mã hàng 2523.10.90 vào chỉ tiêu “Mã số hàng hóa”, khai “TNKS” vào chỉ tiêu “Mã quản lý riêng” và nhập thủ công mức thuế suất thuế xuất khẩu là 5% vào chỉ tiêu “Thuế suất”.

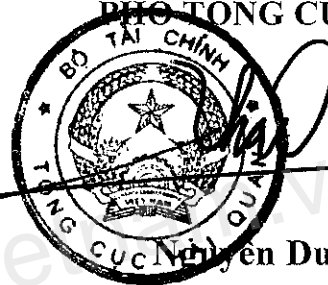
4. Các mặt hàng phân bón (thuộc các nhóm hàng 31.01, 31.02, 31.03, 31.04, 31.05) đã được quy định tên trong Biểu thuế xuất khẩu, có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên thì người nộp thuế kê khai tương tự như đối với trường hợp hàng hóa xuất khẩu không được quy định tên cụ thể trong Biểu thuế xuất khẩu, có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên.

Tổng cục Hải quan thông báo để các đơn vị biết và hướng dẫn người nộp thuế thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Đỗ Hoàng Anh Tuấn (để báo cáo);
- Vụ Chính sách thuế - Bộ Tài chính;
- Cục CNTT và TK HQ; Cục Quản lý rủi ro; Cục Giám sát quản lý; Cục KTSTQ (để phối hợp thực hiện);
- Lưu: VT, TXNK-PL-Đương (3b).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Dương Thái